

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *10* /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày *17* tháng *4* năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng Quảng Bình tại Công văn số DRD-V-2026-01-03 ngày 23 tháng 01 năm 2026, Công văn số 16/DRD ngày 31 tháng 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 428/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa, địa chỉ tại Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng Quảng Bình, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng Quảng Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất 1A-3, Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số: 3101105798 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2026, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp.

1.4. Mã số thuế: 3101105798.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất viên nén năng lượng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án/cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 30.000 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế: 100.000 tấn sản phẩm viên nén/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

Gỗ nguyên liệu → Bóc vỏ → Băm dăm → Nghiền → Bin chứa → Sấy khô → Bin chứa → Ép viên → Làm mát → Sàng vụn → Bin chứa → Lưu kho → Xuất xưởng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Phú Trạch, Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- UBND xã Phú Trạch;
- Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *tl*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam



Phụ lục 1
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *110* /GPMT-UBND
ngày *17* tháng *11* năm *2026* của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải phát sinh từ Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng Quảng Bình sau xử lý nội bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La để tiếp tục xử lý theo quy định.

- Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa (Chủ Dự án) đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La với Trung tâm Quản lý hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại văn bản số 299/TTQLHT-KHKT ngày 11 tháng 4 năm 2025.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý qua nhà vệ sinh tự hoại, sau đó dẫn về bể xử lý tập trung để xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn được thu gom xử lý qua bể tách dầu 03 ngăn, sau đó dẫn về bể xử lý tập trung để xử lý.

Nước thải sau khi xử lý tại bể xử lý tập trung được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La để xử lý.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được tái tuần hoàn, không thải ra môi trường.

+ Nước thải phát sinh từ bãi chứa gỗ nguyên liệu: Xây dựng 02 hệ thống tuyến cống thu gom nước mưa chảy tràn từ bãi chứa gỗ nguyên liệu. Tuyến cống số 1 bằng BTCT D400, có tổng chiều dài 134 m, chạy dọc sát hàng rào phía Đông Bắc dự án; tuyến cống số 2 bằng BTCT D400-D600, có tổng chiều dài 108 m, nằm giữa bãi chứa gỗ nguyên liệu. Hai tuyến cống hợp lưu tại hố ga số 51 rồi theo ống BTCT D800 chảy vào hố ga số 52; sau đó được bơm vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt (được xử lý sơ bộ) → Bể xử lý tập trung (Xử lý hiếu khí, xử lý thiếu khí, lắng cặn, khử trùng) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Cảng biển Hòn La.

- Công suất thiết kế: $3,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Viên nén Clo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

1.5. Vị trí, số lượng điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La.

- Số lượng điểm đầu nối: 02 điểm.

- Vị trí đầu nối:

+ Vị trí đầu nối nước thải sinh hoạt theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến trực 106^0 , cụ thể như sau: $X(m) = 1.983.638$; $Y(m) = 553.361$.

+ Vị trí đầu nối nước thải sản xuất phát sinh từ bãi chứa gỗ nguyên liệu theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến trực 106^0 , cụ thể như sau: $X(m) = 1.983.721$; $Y(m) = 553.422$.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm lưu lượng nước thải phù hợp với khả năng tiếp nhận và đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Cảng biển Hòn La trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Cảng biển Hòn La. Không được phép xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Trong trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng ngay hoạt động sản xuất, khẩn trương khắc phục hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới tiếp tục đi vào hoạt động trở lại theo đúng quy định.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Công ty TNHH Phát triển nguồn lực Dohwa phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND xã Phú Trạch và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *MO* /GPMT-UBND
ngày *17* tháng *11* năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau nghiền.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh tại lò sấy số 01.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh tại lò sấy số 02.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau sấy.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh tại bin chứa viên nén sau làm mát.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:**

- Dòng khí thải: 05 dòng khí thải sau hệ thống xử lý, tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰, cụ thể như sau:

+ Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01) có tọa độ: $X(m) = 1983694$; $Y(m) = 553337$.

+ Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02) có tọa độ: $X(m) = 1983672$; $Y(m) = 553343$.

+ Dòng số 03 (tương ứng với nguồn số 03) có tọa độ: $X(m) = 1983672$; $Y(m) = 553342$.

+ Dòng số 04 (tương ứng với nguồn số 04) có tọa độ: $X(m) = 1983688$; $Y(m) = 553367$.

+ Dòng số 05 (tương ứng với nguồn số 05) có tọa độ: $X(m) = 1983695$; $Y(m) = 553327$.

- Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên của Nhà máy, tại KCN Cảng biển Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả khí thải, bụi lớn nhất 91.440 m³/giờ, trong đó:

- Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.712 m³/giờ.

- Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 37.152 m³/giờ.

- Dòng số 03 (tương ứng với nguồn số 03): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 37.152 m³/giờ.

- Dòng số 04 (tương ứng với nguồn số 04): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.712 m³/giờ.

- Dòng số 05 (tương ứng với nguồn số 05): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.712 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục trong thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Đối với nguồn thải số 02 và nguồn số 03 (Cột C; Bảng 1 và Bảng 2; Thiết bị khác đốt nhiên liệu sinh khối dạng rắn).			
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần
2	Áp suất	mmHg hoặc Kpa	-	
3	Nhiệt độ	°C	-	
4	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 60	
5	CO	mg/Nm ³	≤ 350	
6	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300	
7	NO _x	mg/Nm ³	≤ 350	
8	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤ 2	
II	Đối với nguồn thải số 01, nguồn số 04 và nguồn số 05 (Cột C; Bảng 2; Các thiết bị xả thải khác)			
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần
2	Áp suất	mmHg hoặc Kpa	-	
3	Nhiệt độ	°C	-	
4	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh tại công đoạn nghiền: Bụi được thu gom qua các chụp hút, theo ống dẫn qua Cyclone, sau đó quạt hút qua hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý (Cơ sở bố trí 04 hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền) trước khi thoát ra môi trường.

- Bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau nghiền: Bụi được thu gom theo ống dẫn, sau đó quạt hút qua hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường qua ống thải cao 15,0 m, đường kính 0,4 m.

- Bụi, khí thải phát sinh tại lò sấy số 01 và số 02: Bụi, khí thải được thu gom theo ống dẫn qua Cyclone, sau đó quạt hút qua tháp hấp thụ để xử lý trước khi thoát ra môi trường qua ống thải cao 15,0 m, đường kính 1,0 m (Cơ sở bố trí 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải tại lò sấy số 01 và số 02).

- Bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau sấy: Bụi được thu gom theo ống dẫn, sau đó quạt hút qua hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường qua ống thải cao 15,0 m, đường kính 0,4 m.

- Bụi phát sinh tại công đoạn ép viên: Bụi được thu gom qua các chụp hút, theo ống dẫn qua Cyclone, sau đó quạt hút qua hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Bụi phát sinh tại công đoạn làm mát: Bụi được thu gom qua các chụp hút, theo ống dẫn qua Cyclone, sau đó quạt hút qua hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Bụi phát sinh tại bin chứa viên nén sau làm mát: Bụi được thu gom theo ống dẫn, sau đó quạt hút qua hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường qua ống thải cao 15,0 m, đường kính 0,4 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Xử lý bụi phát sinh tại công đoạn nghiền:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường.

- Xử lý bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau nghiền:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Ống dẫn → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống thải ra môi trường.

Công suất thiết kế: 5.712 m³/giờ

- Xử lý bụi, khí thải phát sinh tại lò sấy số 01 và số 02:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Ống dẫn → Hệ thống Cyclone → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải ra môi trường.

Công suất thiết kế: 37.152 m³/giờ/hệ thống xử lý.

- Xử lý bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau sấy:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Ống dẫn → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống thải ra môi trường.

Công suất thiết kế: 5.712 m³/giờ

- Xử lý bụi phát sinh tại công đoạn ép viên:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường.

- Xử lý bụi phát sinh tại công đoạn làm mát:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường.

- Xử lý bụi phát sinh tại bin chứa viên nén sau làm mát:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Ống dẫn → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống thải ra môi trường.

Công suất thiết kế: 5.712 m³/giờ

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.
- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời, bảo đảm không xả thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không xả thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí.
- Vận hành đúng quy trình hệ thống xử lý bụi và khí thải. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường liên quan.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 05/2026 đến tháng 08/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau nghiền (nguồn số 01), công suất thiết kế 5.712 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại lò sấy số 01 (nguồn số 02), công suất thiết kế 37.152 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh tại lò sấy số 02 (nguồn số 03), công suất thiết kế 37.152 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi phát sinh tại bin chứa nguyên liệu sau sấy (nguồn số 04), công suất thiết kế 5.712 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi phát sinh tại bin chứa viên nén sau làm mát (nguồn số 05), công suất thiết kế 5.712 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí 05 ống xả thải nêu tại mục 2.1 Phần A của Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng bụi, khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, khí thải trong quá trình hoạt động; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

3.6. Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của cơ sở; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, BQL Khu kinh tế tỉnh, UBND xã Phú Trạch và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *ND* /GPMT-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực đặt máy bơm dăm.
- Nguồn số 02: Tại khu vực nghiền nguyên liệu.
- Nguồn số 03: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất viên nén.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian và giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn(dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	50	45	40	-	Khu vực A
2	55	50	45	-	Khu vực B
3	60	55	50	-	Khu vực C
4	65	60	55	-	Khu vực D
5	70	65	60	-	Khu vực E

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2.2. Độ rung:

TT	Khoảng thời gian và giá trị tối đa cho phép đối với mức rung (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	60	55	-	Khu vực A
2	65	60	-	Khu vực B
3	70	65	-	Khu vực C
4	75	70	-	Khu vực D

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chú trọng công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời. Lắp đặt đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: MV/GPMT-UBND
ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 24 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 1.357,8 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 7.500 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh khoảng 36 kg/năm.

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát; tập kết vào kho và hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý chất thải nguy hại để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định.

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích 12,3 m², có mái che, nền xi măng, tường xây, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích 12,52 m², có mái che, nền xi măng, tường xây, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

- Thực hiện hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng có nắp đậy đặt tại khu văn phòng, nhà bếp và các khu chức năng của cơ sở để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh

hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích 12,3 m², có mái che, nền xi măng, tường xây, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các yêu cầu về phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Thực hiện việc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **110** /GPMT-UBND**ngày **17** tháng **4** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.

2. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ hoàn công công trình bảo vệ môi trường do Chủ dự án cung cấp; Chủ dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).